

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1884/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4381/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu B, sinh năm 1980

Địa chỉ: 325/19C đường Kha Vạn Cân, khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đàm Thanh P, sinh năm 1980

Địa chỉ: 325/19C đường Kha Vạn Cân, khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Thu B trình bày: Bà và ông Đàm Thanh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp nhau, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã ly thân, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Đàm Quang P, sinh ngày 14/11/2002, Đàm Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2012 và Đàm Thị Kim L, sinh ngày 03/02/2010. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đàm Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2012 và Đàm Thị Kim L, sinh ngày 03/02/2010, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Riêng người con chung tên Đàm Quang P, sinh ngày 14/11/2002 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đàm Thanh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Thu B có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Ông Đàm Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Đàm Thanh P cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Thu B có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông Đàm Thanh P đã được triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Thu B và ông Đàm Thanh P tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 16/3/2004 do Ủy ban nhân phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 25/01/2021 bà Thu B nộp đơn xin ly hôn với ông P. Trong quá trình hòa giải bà Thu B kiên quyết xin ly hôn, ông P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Thu B và ông P đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, đến nay đời sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm yêu thương nhau, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay ông bà đã sống ly thân. Ông Đàm Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông P không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không chú tâm đến các yêu cầu của bà Thu B và cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Bà Thu B xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn, mục đích hôn nhân hiện nay cũng không đạt được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông bà cũng đã ly thân và nay bà Thu B xin ly hôn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Thu B về việc xin ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Đàm Quang P, sinh ngày 14/11/2002, Đàm Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2012 và Đàm Thị Kim L, sinh ngày 03/02/2010. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đàm Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2012 và Đàm Thị Kim L, sinh ngày 03/02/2010, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Riêng người con chung tên Đàm Quang P, sinh ngày 14/11/2002 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thu B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Thu B phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu B:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu B được ly hôn ông Đàm Thanh P.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Đàm Quang P, sinh ngày 14/11/2002, Đàm Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2012 và Đàm Thị Kim L, sinh ngày 03/02/2010.

Người con chung tên Đàm Quang P, sinh ngày 14/11/2002 đã trưởng thành.

Bà Trần Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đàm Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2012 và Đàm Thị Kim L, sinh ngày 03/02/2010, việc cấp dưỡng nuôi con bà Thu B tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Trần Thị Thu B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Thu B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0058688 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, bà Thu B đã nộp đủ án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

